

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 35



Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại khóa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Cần Thơ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột

Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Phnôm Pênh, Campuchia

Địa chỉ

Số 157 - 159, đường Song Hành, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

Đường Xuân Thủy, khu dân cư công viên Khuê Trung, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

E20, E21 Đường số 8, khu dân cư Nông Thổ Sản, khu vực Thạnh Lợi, phường Phú Thới, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Đường Tỉnh Lộ 5, Xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

210 Mao Tse Toung Blvd (245), thành phố Phnôm Pênh, Campuchia

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Ông Lê Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Lê Trảng Thắng

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Thúy Hà

Ông Hoàng Anh Tuấn

Bà Vũ Thị Hà

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đức Phương
Ông Nguyễn Văn Hùng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Tuấn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13548079/68446559

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1



Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

CHỖ
CHỮ
HỌ
TÊN
CHỮ
HỌ
TÊN
CHỮ
HỌ
TÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		393.426.464.771	410.179.700.976
110	I. Tiền	4	62.001.031.901	42.088.481.521
111	1. Tiền		62.001.031.901	42.088.481.521
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		26.000.000.000	26.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	26.000.000.000	26.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.839.265.334	8.108.295.467
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	14.393.122.966	9.402.176.478
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		254.054.000	432.422.552
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		671.548.532	1.111.303.673
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.479.460.164)	(2.837.607.236)
140	IV. Hàng tồn kho	8	286.273.291.204	328.047.215.405
141	1. Hàng tồn kho		290.586.025.381	332.373.479.997
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.312.734.177)	(4.326.264.592)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.312.876.332	5.935.708.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.986.153.540	5.345.446.224
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		326.722.792	590.262.359
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		104.163.712.875	100.501.625.448
220	I. Tài sản cố định		77.988.561.851	75.107.498.053
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.212.946.752	52.331.882.954
222	Nguyên giá		363.043.170.379	349.928.160.419
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(307.830.223.627)	(297.596.277.465)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	22.775.615.099	22.775.615.099
228	Nguyên giá		24.962.115.099	24.962.115.099
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.186.500.000)	(2.186.500.000)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		47.500.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		47.500.000	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	25.672.595.589	25.233.067.767
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		28.800.000.000	28.800.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.127.404.411)	(3.566.932.233)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		455.055.435	161.059.628
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		455.055.435	161.059.628
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		497.590.177.646	510.681.326.424

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		159.237.713.085	176.161.377.144
310	I. Nợ ngắn hạn		152.430.346.385	162.950.524.794
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	56.084.710.953	53.553.263.810
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	39.921.920.336	49.020.247.614
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.494.817.910	2.233.391.724
314	4. Phải trả người lao động		20.558.457.189	20.708.629.739
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		673.827.722	187.021.066
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		826.387.527	298.605.342
320	7. Vay ngắn hạn	16	11.371.904.350	11.920.501.080
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	17.498.320.398	25.028.864.419
330	II. Nợ dài hạn		6.807.366.700	13.210.852.350
338	1. Vay dài hạn	16	6.807.366.700	13.210.852.350
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		338.352.464.561	334.519.949.280
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	338.352.464.561	334.519.949.280
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		106.500.000.000	106.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.500.000.000	106.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		125.120.184.408	122.628.115.429
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		106.732.280.153	105.391.833.851
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		78.607.695.893	80.471.144.062
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		28.124.584.260	24.920.689.789
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		497.590.177.646	510.681.326.424

Trần Ngọc Thường
Người lập

Trần Ngọc Thường
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	749.398.429.473	753.001.456.932
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(218.213.356)	(100.140.416)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	749.180.216.117	752.901.316.516
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(641.280.447.944)	(647.706.367.612)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		107.899.768.173	105.194.948.904
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	1.324.933.770	1.665.265.523
22	7. Chi phí tài chính	20	(1.435.279.420)	(2.963.868.874)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.874.807.242)	(2.979.845.054)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(41.727.258.635)	(45.338.233.638)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(31.004.847.524)	(28.460.899.330)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.057.316.364	30.097.212.585
31	11. Thu nhập khác		781.637.100	1.102.657.833
32	12. Chi phí khác		(407.695.163)	(44.723.070)
40	13. Lợi nhuận khác		373.941.937	1.057.934.763
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		35.431.258.301	31.155.147.348
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(7.306.674.041)	(6.234.457.559)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		28.124.584.260	24.920.689.789
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	2.641	2.059
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	2.641	2.059


Trần Ngọc Thường
Người lập


Trần Ngọc Thường
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng		776.822.727.328	795.589.625.954
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(566.402.075.552)	(624.735.263.857)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(92.970.531.136)	(82.687.436.137)
04	Tiền lãi vay đã trả		(1.874.807.242)	(2.979.845.054)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.904.247.868)	(5.879.018.002)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.217.667.736	4.690.432.719
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.818.376.606)	(38.570.396.685)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		65.070.356.660	45.428.098.938
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(17.928.945.029)	(17.381.223.215)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		51.786.350	564.671.400
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(52.000.000.000)	(56.600.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		52.000.000.000	40.600.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		971.434.779	1.935.816.570
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(16.905.723.900)	(30.880.735.245)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		12.470.418.700	9.280.222.538
34	Tiền trả nợ gốc vay		(19.422.501.080)	(15.917.588.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(21.300.000.000)	(23.430.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(28.252.082.380)	(30.067.365.462)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		19.912.550.380	(15.520.001.769)
60	Tiền đầu năm		42.088.481.521	57.608.483.290
70	Tiền cuối năm	4	62.001.031.901	42.088.481.521


Trần Ngọc Thường
Người lập


Trần Ngọc Thường
Kế toán trưởng


Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại khóa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 157 - 159, đường Song Hành, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Đà Nẵng	Đường Xuân Thủy, khu dân cư công viên Khuê Trung, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Cần Thơ	E20, E21 Đường số 8, Khu dân cư Nông Thổ Sản, Khu vực Thạnh Lợi, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột	Đường Tinh Lộ 5, Xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Phnôm Pênh, Campuchia	210 Mao Tse Toung Blvd (245), thành phố Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 577 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 671).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ, - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Thông tin theo bộ phận*

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các loại khóa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân này.

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.831.929.995	1.587.833.350
Tiền gửi ngân hàng	60.169.101.906	40.500.648.171
TỔNG CỘNG	62.001.031.901	42.088.481.521

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 9 tháng và hưởng lãi suất từ 4,55%/năm đến 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,75%/năm đến 5,35%/năm).

C.7
THAM
JNE
HIV

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nga Nam	3.801.046.862	2.910.271.693
Hộ kinh doanh Quang Phương	1.997.807.115	2.017.807.115
SVT Trading Sole Co., Ltd	442.387.082	1.295.950.611
Công ty TNHH Cơ khí Đại Thành	561.903.100	1.021.900.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.589.978.807	2.156.247.059
TỔNG CỘNG	14.393.122.966	9.402.176.478
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.479.460.164)	(2.837.607.236)

7. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Hộ kinh doanh Quang Phương	1.997.807.115	-	2.017.807.115	-
Các đối tượng khác	481.653.049	-	819.800.121	-
TỔNG CỘNG	2.479.460.164	-	2.837.607.236	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	93.897.945.001	-	79.903.931.716	-
Công cụ, dụng cụ	1.426.908.098	-	998.319.016	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.082.323.772	-	4.345.767.138	-
Thành phẩm	191.178.848.510	(4.312.734.177)	247.125.462.127	(4.326.264.592)
TỔNG CỘNG	290.586.025.381	(4.312.734.177)	332.373.479.997	(4.326.264.592)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.326.264.592	4.285.696.501
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	40.568.091
Trừ: Dự phòng hoàn nhập trong năm	(13.530.415)	-
Số cuối năm	<u>4.312.734.177</u>	<u>4.326.264.592</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	78.783.251.691	255.717.026.915	14.230.749.077	1.197.132.736	349.928.160.419
- Mua mới trong năm	4.736.571.178	12.627.323.278	538.142.323	-	17.902.036.779
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.787.026.819)	-	-	(4.787.026.819)
Số cuối năm	83.519.822.869	263.557.323.374	14.768.891.400	1.197.132.736	363.043.170.379
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	26.274.457.912	232.759.391.752	11.367.997.279	1.197.132.736	271.598.979.679
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	44.603.667.128	240.006.013.257	11.789.464.344	1.197.132.736	297.596.277.465
- Khấu hao trong năm	3.237.798.457	10.705.191.186	1.077.983.338	-	15.020.972.981
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.787.026.819)	-	-	(4.787.026.819)
Số cuối năm	47.841.465.585	245.924.177.624	12.867.447.682	1.197.132.736	307.830.223.627
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	34.179.584.563	15.711.013.658	2.441.284.733	-	52.331.882.954
Số cuối năm	35.678.357.284	17.633.145.750	1.901.443.718	-	55.212.946.752
Trong đó:					
Tài sản dùng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	-	6.828.875.362	-	-	6.828.875.362



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	22.775.615.099	2.186.500.000	24.962.115.099
Số cuối năm	22.775.615.099	2.186.500.000	24.962.115.099
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	2.186.500.000	2.186.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	2.186.500.000	2.186.500.000
Số cuối năm	-	2.186.500.000	2.186.500.000
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	22.775.615.099	-	22.775.615.099
Số cuối năm	22.775.615.099	-	22.775.615.099

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo trả trước	5.958.653.540	5.247.624.796
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	27.500.000	97.821.428
TỔNG CỘNG	5.986.153.540	5.345.446.224

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiếp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)
Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiếp	2.880.000	36%	28.800.000.000	(3.127.404.411)	2.880.000	(3.566.932.233)
TỔNG CỘNG			28.800.000.000	(3.127.404.411)		(3.566.932.233)

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do cổ phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiếp là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0108813748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, với số vốn điều lệ là 80 tỷ VND. Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiếp có trụ sở đặt tại thôn Viên Nội, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiếp là sản xuất van, vòi công nghiệp và các sản phẩm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND		
Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác ngắn hạn	55.289.495.048	52.789.009.379
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dulico	13.606.172.694	12.985.302.916
- Công ty TNHH Cơ khí Đại Thành	10.444.248.371	12.408.795.417
- Công ty Cổ phần Hà Việt	9.920.107.653	8.928.569.275
- Phải trả đối tượng khác	21.318.966.330	18.466.341.771
Phải trả các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 24)	795.215.905	764.254.431
TỔNG CỘNG	56.084.710.953	53.553.263.810

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hộ Kinh doanh Tuyết Thụ	4.482.254.400	4.826.901.152
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Thống Hào	3.962.505.947	3.922.346.913
Hộ Kinh doanh Toàn Yến	2.631.153.354	4.655.800.900
Các đối tượng khác	28.846.006.635	35.615.198.649
TỔNG CỘNG	39.921.920.336	49.020.247.614

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	19.433.041.531	(17.605.833.967)	1.827.207.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.210.507.539	7.306.674.041	(5.904.247.868)	3.612.933.712
Thuế thu nhập cá nhân	22.884.185	1.178.574.504	(1.150.394.712)	51.063.977
Thuế xuất nhập khẩu	-	68.334.290	(68.334.290)	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	225.083.854	(225.083.854)	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	330.053.868	(326.441.211)	3.612.657
TỔNG CỘNG	2.233.391.724	28.550.762.088	(25.289.335.902)	5.494.817.910

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.028.864.419	26.932.706.350
- Trích lập trong năm (Thuyết minh số 17.1)	2.492.068.979	3.048.977.069
- Sử dụng trong năm	(10.022.613.000)	(4.952.819.000)
Số cuối năm	17.498.320.398	25.028.864.419



Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiếp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		
	Giá trị				Giá trị		
Vay ngắn hạn							
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	11.920.501.080	11.920.501.080	18.873.904.350	(19.422.501.080)	11.371.904.350	11.371.904.350	
TỔNG CỘNG	11.920.501.080	11.920.501.080	18.873.904.350	(19.422.501.080)	11.371.904.350	11.371.904.350	
Vay dài hạn							
Vay dài hạn ngân hàng	13.210.852.350	13.210.852.350	12.470.418.700	(18.873.904.350)	6.807.366.700	6.807.366.700	
TỔNG CỘNG	13.210.852.350	13.210.852.350	12.470.418.700	(18.873.904.350)	6.807.366.700	6.807.366.700	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh	4.674.373.145	Thời hạn cho vay là 60 tháng, đáo hạn lần cuối vào ngày 10 tháng 12 năm 2025. Gốc và lãi được thanh toán định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất cơ sở tại ngày điều chỉnh cộng với biên độ từ 2,7% - 3,5%/năm.	Máy móc, thiết bị như trình bày tại Thuyết minh số 9.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Hà Nội	13.504.897.905	Thời hạn cho vay là 60 tháng, đáo hạn lần cuối vào ngày 4 tháng 6 năm 2026. Gốc và lãi được thanh toán định kỳ hàng tháng.	Lãi suất cơ sở tại ngày điều chỉnh cộng với 2,1% - 2,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho năm hiện tại là 7,5% - 9,5%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có tham gia đầu tư, bao gồm máy móc thiết bị của dự án "Đầu tư chiều sâu và mở rộng năng cao năng lực sản xuất khóa chất lượng cao năm 2015 - 2016 - Giai đoạn II" và dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ - nâng cao năng lực sản xuất".

TỔNG CỘNG
18.179.271.050

Trong đó:
- Vay dài hạn đến hạn trả 11.371.904.350
- Vay dài hạn 6.807.366.700

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiếp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

		Đơn vị tính: VND	
		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	
Số đầu năm	106.500.000.000	119.579.138.360	336.578.236.560
- Lợi nhuận trong năm	-	-	24.920.689.789
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.048.977.069	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.048.977.069)
- Chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành	-	-	(3.048.977.069)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(500.000.000)
			(23.430.000.000)
Số cuối năm	106.500.000.000	122.628.115.429	334.519.949.280
Năm nay			
Số đầu năm	106.500.000.000	122.628.115.429	334.519.949.280
- Lợi nhuận trong năm	-	-	28.124.584.260
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	2.492.068.979	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(2.492.068.979)
- Chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành (*)	-	-	(500.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	(21.300.000.000)
Số cuối năm	106.500.000.000	125.120.184.408	338.352.464.561

(*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ, chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành và chia cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Nghị quyết số 01/202/NQ-ĐHĐCĐ-KVT ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	42.585.000.000	42.585.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	63.915.000.000	63.915.000.000
TỔNG CỘNG	106.500.000.000	106.500.000.000

Đơn vị tính: VND

17.3 Cổ tức

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	21.300.000.000	23.430.000.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông cho năm 2023 (2.000 VND/cổ phần)	21.300.000.000	-
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông cho năm 2022 (2.200 VND/cổ phần)	-	23.430.000.000

Đơn vị tính: VND

17.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	10.650.000	10.650.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	10.650.000	10.650.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.650.000	10.650.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng	749.398.429.473	753.001.456.932
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	719.403.781.353	725.096.115.632
Doanh thu khác	29.994.648.120	27.905.341.300
Các khoản giảm trừ doanh thu	(218.213.356)	(100.140.416)
Hàng bán bị trả lại	(218.213.356)	(100.140.416)
Doanh thu thuần	749.180.216.117	752.901.316.516
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	719.185.567.997	724.995.975.216
Doanh thu thuần khác	29.994.648.120	27.905.341.300

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.288.816.025	1.604.063.145
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.117.745	61.202.378
TỔNG CỘNG	1.324.933.770	1.665.265.523

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	641.293.978.359	647.665.799.521
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.530.415)	40.568.091
TỔNG CỘNG	641.280.447.944	647.706.367.612

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.874.807.242	2.979.845.054
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(439.527.822)	(15.976.395)
Chi phí tài chính khác	-	215
TỔNG CỘNG	1.435.279.420	2.963.868.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	12.624.314.289	11.779.882.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.371.843.770	1.381.256.699
Chi phí quảng cáo, sự kiện	16.402.869.893	19.955.603.506
Chi phí vận chuyển	6.607.146.039	7.430.312.875
Chi phí bán hàng khác	4.721.084.644	4.791.178.389
TỔNG CỘNG	41.727.258.635	45.338.233.638
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	15.641.148.000	15.751.500.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.834.566.506	5.173.272.905
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.784.653.030	1.394.713.382
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.744.479.988	6.141.412.960
TỔNG CỘNG	31.004.847.524	28.460.899.330

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	496.110.274.177	629.103.181.726
Chi phí nhân công	104.789.465.653	97.871.529.433
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	15.020.972.981	13.580.351.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.299.090.105	31.151.646.244
Chi phí khác	10.596.224.619	18.869.639.195
TỔNG CỘNG	657.816.027.535	790.576.348.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.136.883.732	6.234.457.559
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	169.790.309	-
TỔNG CỘNG	7.306.674.041	6.234.457.559

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.431.258.301	31.155.147.348
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	7.086.251.660	6.231.029.470
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	86.022.072	11.508.089
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	169.790.309	-
Các điều chỉnh khác	(35.390.000)	(8.080.000)
Chi phí thuế TNDN	7.306.674.041	6.234.457.559

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Tràng Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Ngô Thị Thúy Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên ban kiểm soát
Bà Vũ Thị Hà	Thành viên ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	Cổ đông lớn	Trả cổ tức bằng tiền	8.517.000.000	7.635.104.400
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Trả cổ tức bằng tiền	215.232.000	236.755.200
Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị	Trả cổ tức bằng tiền	49.400.000	54.340.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị	Trả cổ tức bằng tiền	42.750.000	47.025.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	Trả cổ tức bằng tiền	24.700.000	27.170.000
Ông Lê Tràng Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị	Trả cổ tức bằng tiền	15.200.000	16.720.000
Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng Mua vật tư	27.920.610 4.376.453.302	65.430.600 5.258.375.785

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá thỏa thuận trong hợp đồng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các công ty liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2023: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan là:

		Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)			
Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiếp	Công ty liên kết	795.215.905	764.254.431
TỔNG CỘNG		795.215.905	764.254.431

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm:

		Đơn vị tính: VND	
Tên	Chức vụ	Lương và thưởng	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	783.002.400	766.210.800
Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	662.983.500	670.919.700
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	522.431.800	515.383.000
Ông Lê Trảng Thắng	Thành viên HĐQT	458.927.320	436.194.200
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	424.537.700	406.638.600
Bà Ngô Thị Thúy Hà	Trưởng ban kiểm soát	408.534.800	387.243.200
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên ban kiểm soát	371.256.500	351.907.700
Bà Vũ Thị Hà	Thành viên ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
TỔNG CỘNG		3.655.674.020	3.558.497.200

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

			Đơn vị tính: VND
	Năm nay	Năm trước	(Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.124.584.260	24.920.689.789	
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban Điều hành (Thuyết minh số 17)	-	(2.992.068.979)	
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.124.584.260	21.928.620.810	
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.650.000	10.650.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.641	2.059	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.641	2.059	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thường Ban điều hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-KVT ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thường Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	45.594,12	26.832

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Ngọc Thường
Người lập



Trần Ngọc Thường
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Tuấn